Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Thời gian ký: 10/11/2026 18:04:44 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 66 /2026/VBHN-TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[1]

Thông tư số 69/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 69/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

2. Thông tư số 151/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 69/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm[2];

---

[1] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" trong tên Thông tư số 69/2022/TT-BTC được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[2] Thông tư số 85/2024/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 69/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm (sau đây gọi là Thông tư số 69/2022/TT-BTC).

Thông tư số 151/2025/TT-BTC có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 139/2025/QH15;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[3].

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết khoản 5 Điều 81[4], khoản 3 Điều 130, khoản 2 Điều 138, khoản 2 Điều 139,[5] khoản 2 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Thông tư này gồm:

1. Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm (Bộ Tài chính);

2. Các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp bảo hiểm), chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

3. Các cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước quy định tại Điều 7 Thông tư này (sau đây gọi tắt là cơ sở đào tạo);

4. Các cá nhân dự thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[6] (sau đây gọi tắt là thí sinh dự thi);

5. Các cá nhân có chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2023;

6. Các cá nhân có chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[7] do cơ sở đào tạo về bảo hiểm nước ngoài quy định tại Điều 8 Thông tư này cấp;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 69/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 85/2024/TT-BTC (sau đây gọi là Thông tư số 69/2022/TT-BTC).".

[3] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" trong tên Thông tư số 69/2022/TT-BTC được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[4] Cụm từ "khoản 6 Điều 81" được thay thế bởi "khoản 5 Điều 81" theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

[5] Cụm từ "khoản 4 Điều 143" được bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[6] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[7] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

7. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[8].

Điều 3. Tổ chức thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[9]; cấp, thu hồi, cấp đổi, chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm[10]

1. Thủ tục đăng ký thi, phê duyệt kết quả thi, phúc khảo bài thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[11]; thủ tục cấp, thu hồi, cấp đổi, chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được thực hiện thông qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ có địa chỉ tại https://vidi-e.mof.gov.vn (sau đây gọi tắt là Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ).

2. Các kỳ thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[12] được thực hiện theo hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính hoặc trên giấy. Trường hợp thi trên máy tính, máy tính phải được kết nối với Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ.

3. Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam (đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm) là đơn vị tổ chức thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[13] và tổ chức thi, cấp, thu hồi, cấp đổi, thực hiện chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo quy định tại Thông tư này.

Chương II

CHỨNG CHỈ BẢO HIỂM, CHỨNG CHỈ MÔI GIỚI BẢO HIỂM[14]

Mục 1. CÁC LOẠI CHỨNG CHỈ BẢO HIỂM, CHỨNG CHỈ MÔI GIỚI BẢO HIỂM,[15] NỘI DUNG ĐÀO TẠO, CƠ SỞ ĐÀO TẠO VỀ BẢO HIỂM TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI

Điều 4. Chứng chỉ bảo hiểm

Chứng chỉ bảo hiểm quy định tại điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 81 và khoản 2 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm là một trong các chứng chỉ sau:[16]

---

[8] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[9] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[11] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[12] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[13] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[14] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[15] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

1. Đối với chứng chỉ bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước cấp:

a) Chứng chỉ bảo hiểm nhân thọ;

b) Chứng chỉ bảo hiểm phi nhân thọ;

c) Chứng chỉ bảo hiểm sức khỏe.

2. Đối với chứng chỉ bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm nước ngoài cấp:

a) Chứng chỉ nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm nhân thọ;

b) Chứng chỉ nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm phi nhân thọ;

c) Chứng chỉ nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe.

3.[17] ***(được bãi bỏ)***

Điều 5. Chứng chỉ môi giới bảo hiểm

Chứng chỉ môi giới bảo hiểm quy định tại khoản 2 Điều 138 Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022 là một trong các chứng chỉ sau:

1. Chứng chỉ môi giới bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước cấp;

2. Chứng chỉ môi giới bảo hiểm do cơ sở đào tạo về bảo hiểm nước ngoài cấp.

Điều 6.[18] ***(được bãi bỏ)***

Điều 7. Cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước

Cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước là cơ sở có chức năng đào tạo về bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Cơ sở đào tạo do cơ quan nhà nước thành lập: Viện, học viện, trường đại học;

2. Cơ sở đào tạo thuộc hoặc trực thuộc các đơn vị do cơ quan nhà nước thành lập;

3. Cơ sở đào tạo khác có tư cách pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 8. Cơ sở đào tạo về bảo hiểm nước ngoài

Cơ sở đào tạo về bảo hiểm nước ngoài là cơ sở có chức năng đào tạo về bảo hiểm thuộc một trong các trường hợp sau:

---

[16] Đoạn mở đầu Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025

[17] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[18] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

1.[19] Cơ sở đào tạo thuộc hoặc trực thuộc cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm nước ngoài; hoặc cơ sở đào tạo được cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm nước ngoài giao hoặc pháp luật của nước đó quy định thực hiện đào tạo và cấp chứng chỉ trong lĩnh vực bảo hiểm;

2. Học viện nghiên cứu và đào tạo bảo hiểm ASEAN (AITRI); Hội các nhà tính toán bảo hiểm là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế;

3. Các tổ chức đào tạo thuộc các quốc gia có thỏa thuận thừa nhận chứng chỉ bảo hiểm lẫn nhau với Việt Nam;

4.[20] Các cơ sở đào tạo thuộc các tập đoàn bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn tái bảo hiểm nước ngoài, tập đoàn môi giới bảo hiểm nước ngoài. Các cơ sở đào tạo này phải có chức năng đào tạo về bảo hiểm theo quy định của pháp luật nơi có trụ sở tập đoàn hoặc nơi có trụ sở của cơ sở đào tạo về bảo hiểm thuộc tập đoàn.

5.[21] Các tổ chức đào tạo quốc tế khác: Viện Bảo hiểm và Tài chính Úc và New Zealand (ANZIIF), Viện Bảo hiểm Hoàng gia Anh (CII), Viện Đào tạo bảo hiểm Canada (IIC), Viện Quản trị rủi ro Anh (IRM), Viện bảo hiểm Tài sản, Thiệt hại Hoa Kỳ (The Institutes), Viện Quản trị rủi ro Úc (RMIA), Viện Giám định Hoàng gia Anh (CILA), Viện Giám định Hoàng gia Úc (AICLA), Học viện Hàng hải Lloyd, Hiệp hội Cơ quan quản trị bảo hiểm nhân thọ (Life Office Management Association - LOMA), Hiệp hội Nghiên cứu và Tiếp thị Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance Marketing and Research Association - LIMRA) và các tổ chức đào tạo quốc tế khác là cơ sở đào tạo về bảo hiểm nước ngoài có chương trình đào tạo các chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[22] tương ứng với chương trình đào tạo các chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[23] quy định tại Thông tư này.

Điều 9. Nội dung đào tạo chứng chỉ bảo hiểm

Cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước đào tạo chứng chỉ bảo hiểm theo các nội dung sau:

1. Nội dung đào tạo chứng chỉ bảo hiểm nhân thọ:

a) Kiến thức chung về bảo hiểm, tái bảo hiểm;

b) Kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe;

---

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[22] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[23] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

c) Pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe.

2. Nội dung đào tạo chứng chỉ bảo hiểm phi nhân thọ:

a) Kiến thức chung về bảo hiểm, tái bảo hiểm;

b) Kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe;

c) Pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe.

3. Nội dung đào tạo chứng chỉ bảo hiểm sức khỏe:

a) Kiến thức chung về bảo hiểm, tái bảo hiểm;

b) Kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe;

c) Pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm sức khỏe.

Điều 10. Nội dung đào tạo chứng chỉ môi giới bảo hiểm

Cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước đào tạo chứng chỉ môi giới bảo hiểm theo các nội dung sau:

1. Kiến thức chung về bảo hiểm và nghiệp vụ bảo hiểm:

a) Nguyên lý bảo hiểm, tái bảo hiểm;

b) Kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, sức khỏe.

2. Pháp luật Việt Nam về kinh doanh bảo hiểm và môi giới bảo hiểm.

3. Nguyên tắc, trách nhiệm, đạo đức hành nghề môi giới bảo hiểm.

4. Kỹ năng và thực hành hành nghề môi giới bảo hiểm.

Điều 11.[24] *(được bãi bỏ)*

Mục 2. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI, CẤP, THU HỒI, CẤP ĐỔI CHỨNG CHỈ BẢO HIỂM, CHỨNG CHỈ MÔI GIỚI BẢO HIỂM[25] DO CƠ SỞ ĐÀO TẠO VỀ BẢO HIỂM TRONG NƯỚC CẤP

Điều 12. Tổ chức thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[26][27]

---

[24] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

[25] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[26] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[27] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

1. Các kỳ thi được tổ chức tại địa điểm thi tập trung do đơn vị tổ chức thi thông báo.

2. Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, đơn vị tổ chức thi thông báo cụ thể thời gian, địa điểm tổ chức thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[28] của năm kế tiếp trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[29][30]

1. Thí sinh đăng ký thi và nộp chi phí dự thi qua cơ sở đào tạo hoặc trực tiếp qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ. Cơ sở đào tạo, thí sinh đăng ký thi qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ trước ngày thi tối thiểu 10 ngày.

2. Hồ sơ đăng ký thi gồm: Đơn đăng ký thi theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1a ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trước ngày thi 03 ngày làm việc, đơn vị tổ chức thi thông báo danh sách thí sinh dự thi trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ (đối với các trường hợp đã nộp đủ hồ sơ và chi phí dự thi).

Điều 14. Đề thi, thời gian làm bài thi, điều kiện thi đỗ kỳ thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[31]

1. Mỗi đề thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm có 60 câu hỏi, thời gian làm bài 90 phút[32].

2. Thí sinh trả lời đúng từ 70% tổng số câu hỏi của bài thi trở lên được coi là thi đỗ kỳ thi chứng chỉ mà thí sinh đã tham dự.

Điều 15. Phê duyệt và thông báo kết quả thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[33][34]

Đơn vị tổ chức thi ban hành Quyết định phê duyệt kết quả thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[35]; thông báo kết quả thi cho thí sinh, cơ sở đào tạo (qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thi (đối với kỳ thi trên giấy) hoặc 03 ngày làm việc kể từ ngày thi (đối với kỳ thi trên máy tính).

---

[28] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[29] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025

[30] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[31] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[32] Cụm từ "mỗi đề thi chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm có 80 câu hỏi, thời gian làm bài 120 phút" được bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[33] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[34] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[35] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Điều 16. Cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[36]

1.[37] Căn cứ Quyết định phê duyệt kết quả thi, cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[38] cho thí sinh thi đỗ đăng ký thi qua cơ sở đào tạo. Đơn vị tổ chức thi cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[39] cho thí sinh thi đỗ đăng ký thi trực tiếp qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ.

2. Việc cấp chứng chỉ phải được hoàn thành trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả thi. Chứng chỉ được cấp theo mẫu quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này: Phụ lục số 1 (mẫu chứng chỉ bảo hiểm), Phụ lục số 2 (mẫu chứng chỉ môi giới bảo hiểm)[40].

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm,[41] cơ sở đào tạo phải cập nhật danh sách chứng chỉ mà cơ sở đào tạo đã cấp lên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm các thông tin sau:

a) Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ (bao gồm: họ và tên, ngày tháng năm sinh, số Thẻ Căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu[42]);

b) Tên/loại chứng chỉ;

c) Ngày cấp chứng chỉ;

d) Mã số chứng chỉ.

Điều 17. Phúc khảo và xử lý kết quả phúc khảo bài thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[43][44]

1. Việc phúc khảo chỉ áp dụng đối với các kỳ thi trên giấy. Thí sinh nộp đơn phúc khảo qua cơ sở đào tạo để cơ sở đào tạo gửi đơn vị tổ chức thi (qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ) hoặc nộp trực tiếp qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ (đối với thí sinh trực tiếp đăng ký thi trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ) trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày đơn vị tổ chức thi phê duyệt kết quả thi. Mẫu

---

[36] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[37] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[38] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[39] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[40] Cụm từ "Phụ lục số 3 (mẫu chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm)" được bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[41] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[42] Cụm từ "Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu" được thay thế bằng cụm từ "Thẻ Căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[43] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[44] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

đơn phúc khảo quy định tại Phụ lục số 5, Phụ lục số 5a ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đơn vị tổ chức thi thực hiện chấm phúc khảo và trả lời kết quả phúc khảo trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn phúc khảo của thí sinh.

3. Căn cứ kết quả phúc khảo, đơn vị tổ chức thi có Quyết định điều chỉnh kết quả thi (nếu có) và cấp chứng chỉ cho thí sinh thi đỗ đăng ký thi trực tiếp qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ hoặc thông báo cho cơ sở đào tạo để cấp chứng chỉ theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

Điều 18. Thu hồi, cấp đổi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[45]

Cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước thực hiện việc thu hồi, cấp đổi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[46] theo quy định sau:

1. Các trường hợp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[47] bị thu hồi:

a) Cá nhân không tham dự kỳ thi hoặc không thi đỗ kỳ thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[48] nhưng vẫn được cơ sở đào tạo cấp chứng chỉ;

b) Thí sinh sửa chữa, gian dối hoặc giả mạo giấy tờ về nhân thân (Thẻ Căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu[49]) khi tham dự kỳ thi;

c) Cá nhân nhờ người khác thi hộ kỳ thi chứng chỉ;

d) Chứng chỉ bị thu hồi theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

2. Chứng chỉ được cấp đổi trong trường hợp một trong các thông tin cá nhân sau đây của người được cấp chứng chỉ bị nhầm lẫn, sai sót:

a) Họ/Tên đệm/Tên;

b) Ngày, tháng, năm sinh;

c) Số Thẻ Căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu[50].

---

[45] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[46] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[47] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[48] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[49] Cụm từ "Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu" được thay thế bằng cụm từ "Thẻ Căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[50] Cụm từ "Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu" được thay thế bằng cụm từ "Thẻ Căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở đào tạo có bằng chứng chứng minh chứng chỉ đã cấp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cơ sở đào tạo thực hiện việc thu hồi, cấp đổi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[51] đã cấp.

4.[52] Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thu hồi, cấp đổi chứng chỉ, đơn vị cấp chứng chỉ thông báo cho đơn vị tổ chức thi danh sách các chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[53] bị thu hồi, cấp đổi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; thông báo danh sách các chứng chỉ bị thu hồi trên trang thông tin điện tử của đơn vị cấp chứng chỉ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của đơn vị cấp chứng chỉ, đơn vị tổ chức thi đăng công khai thông tin về chứng chỉ bị thu hồi trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ.

5. Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này sẽ không được tham dự các kỳ thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[54] trong thời gian 12 tháng kế tiếp kể từ ngày thu hồi chứng chỉ.

6. Cơ sở đào tạo vi phạm quy định về việc cấp chứng chỉ trong trường hợp nêu tại điểm a khoản 1 Điều này không được đăng ký kế hoạch thi và cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[55] trong thời gian 03 năm kể từ ngày vi phạm của cơ sở đào tạo bị phát hiện (đối với vi phạm lần đầu). Trường hợp tái phạm, cơ sở đào tạo không được tiếp tục đăng ký kế hoạch thi và cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[56].

Chương III

CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Mục 1. NỘI DUNG ĐÀO TẠO CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Điều 19. Chứng chỉ đại lý bảo hiểm

1. Các loại chứng chỉ đại lý bảo hiểm bao gồm:

a) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản;

b) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị;

c) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản;

---

[51] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[52] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[53] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[54] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[55] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[56] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

d) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải;

đ) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không;

e) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm sức khỏe.

2. Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2023 được sử dụng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2026. Trong thời gian chưa được chuyển đổi sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm quy định tại Thông tư này, chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2023 được quy đổi như sau:[57]

a) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm[58] nhân thọ cấp có giá trị tương đương chứng chỉ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm[59] nhân thọ cấp có giá trị tương đương chứng chỉ quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm[60] phi nhân thọ cấp có giá trị tương đương chứng chỉ quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này.

3. Các loại chứng chỉ đại lý bảo hiểm quy định tại khoản 1 Điều này được sử dụng như sau:

a) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản: được sử dụng để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ (trừ sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị) và sản phẩm bảo hiểm sức khỏe;

b) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị: được sử dụng để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với các sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị;

c)[61] Chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản: được sử dụng để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ (trừ sản phẩm bảo hiểm hàng hải, sản phẩm bảo hiểm hàng không), các sản phẩm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống và các sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có thời hạn từ 01 năm trở xuống;

d) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải: được sử dụng để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với các sản phẩm bảo hiểm hàng hải;

đ) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không: được sử dụng để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với các sản phẩm bảo hiểm hàng không;

---

[57] Đoạn mở đầu khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

[58] Cụm từ "cơ sở đào tạo về bảo hiểm" được thay thế bằng cụm từ "cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[59] Cụm từ "cơ sở đào tạo về bảo hiểm" được thay thế bằng cụm từ "cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[60] Cụm từ "cơ sở đào tạo về bảo hiểm" được thay thế bằng cụm từ "cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[61] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

e)[62] Chứng chỉ đại lý bảo hiểm sức khỏe: được sử dụng để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm đối với các sản phẩm bảo hiểm sức khỏe và các sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có thời hạn từ 01 năm trở xuống.

Điều 20. Nội dung đào tạo chứng chỉ đại lý bảo hiểm

Nội dung đào tạo chứng chỉ đại lý bảo hiểm bao gồm:

1. Kiến thức chung về bảo hiểm; các nguyên lý về nghiệp vụ bảo hiểm phù hợp với từng loại chứng chỉ đại lý bảo hiểm:

a) Đối với chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản: kiến thức chung về bảo hiểm, nguyên lý, kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm nhân thọ (trừ bảo hiểm liên kết đơn vị), bảo hiểm sức khỏe;

b) Đối với chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị: kiến thức chung về thị trường tài chính; kiến thức cơ bản về đầu tư; kiến thức chung về bảo hiểm, nguyên lý, kiến thức cơ bản về nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đơn vị;

c)[63] Đối với chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản: kiến thức chung về bảo hiểm, nguyên lý, kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm phi nhân thọ (trừ bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không), các sản phẩm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống và các sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có thời hạn từ 01 năm trở xuống;

d) Đối với chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải: kiến thức chung về bảo hiểm, nguyên lý, kiến thức cơ bản về nghiệp vụ bảo hiểm hàng hải;

đ) Đối với chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không: kiến thức chung về bảo hiểm, nguyên lý, kiến thức cơ bản về nghiệp vụ bảo hiểm hàng không;

e) Đối với chứng chỉ đại lý bảo hiểm sức khỏe: kiến thức chung về bảo hiểm, nguyên lý, kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ bảo hiểm thuộc loại hình bảo hiểm sức khỏe.

2. Quy tắc đạo đức, ứng xử nghề nghiệp đại lý bảo hiểm do tổ chức xã hội nghề nghiệp ban hành.

3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, đại lý bảo hiểm trong hoạt động đại lý bảo hiểm.

4. Pháp luật Việt Nam về hoạt động kinh doanh bảo hiểm tương ứng với loại hình bảo hiểm, nghiệp vụ bảo hiểm của từng loại chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

5. Kỹ năng và thực hành hành nghề đại lý bảo hiểm.

---

[62] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

[63] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

6. Nội dung đào tạo chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị trong trường hợp đã có chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản bao gồm các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều này.

7. Nội dung đào tạo chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải trong trường hợp đã có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản bao gồm các nội dung quy định tại điểm d khoản 1 và khoản 4 Điều này.

8. Nội dung đào tạo chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không trong trường hợp đã có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản bao gồm các nội dung quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 4 Điều này.

Mục 2. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI, CẤP, THU HỒI, CẤP ĐỔI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Điều 21. Tổ chức thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm[64]

1. Địa điểm tổ chức thi:

Các kỳ thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được tổ chức tại các địa điểm sau:

a) Các địa điểm thi tập trung tại các tỉnh, thành phố do đơn vị tổ chức thi thông báo;

b) Các địa điểm thi là trụ sở đặt tại đơn vị hành chính cấp tỉnh của tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm, tổ chức chính trị xã hội có thỏa thuận hợp tác với doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô về hoạt động đại lý bảo hiểm.

2. Đối với trường hợp thi tại các điểm thi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, việc tổ chức thi theo quy định sau:

a) Các kỳ thi được tổ chức theo quý; tại mỗi tỉnh, thành phố tổ chức không quá 01 kỳ thi trong 01 quý, mỗi kỳ thi phải có tối thiểu 70 thí sinh dự thi;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải đảm bảo cơ sở vật chất, kỹ thuật, bố trí phòng thi riêng phục vụ công tác tổ chức thi. Đối với các kỳ thi trên máy tính, phải đảm bảo máy tính hoạt động tốt và kết nối với Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ, số lượng máy tính tối thiểu bằng 25% số lượng thí sinh dự thi.

3. Trước ngày 31 tháng 10 hàng năm, đơn vị tổ chức thi thông báo thời gian, địa điểm tổ chức thi tại các địa điểm thi tập trung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này của năm kế tiếp trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ.

---

[64] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Điều 22. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm[65]

1. Đăng ký thi:

a) Đối với các kỳ thi tổ chức tại địa điểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Thông tư này: trước ngày 25 hàng tháng, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô đăng ký thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm của tháng sau liền kề qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ. Đơn vị tổ chức thi thông báo danh sách kỳ thi chậm nhất 02 ngày làm việc tính đến ngày kết thúc tháng;

b) Đối với các kỳ thi tổ chức tại địa điểm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Thông tư này: tối thiểu trước 15 ngày tính đến ngày kết thúc quý, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô đăng ký thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm cho quý sau liền kề qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ. Đơn vị tổ chức thi thông báo danh sách kỳ thi chậm nhất 10 ngày tính đến ngày kết thúc quý;

c) Hồ sơ đăng ký thi gồm: Đơn đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 6a, Phụ lục số 6b, Phụ lục số 6c ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đối với các kỳ thi tổ chức tại các địa điểm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Thông tư này, trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô dự kiến thay đổi thông tin thi sau khi đã được đơn vị tổ chức thi thông báo (địa điểm thi, thời gian thi, hủy kỳ thi), doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải thông báo với đơn vị tổ chức thi (qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ) trước ngày thi tối thiểu 05 ngày làm việc. Trong trường hợp không thực hiện đúng quy định này, đơn vị tổ chức thi không tổ chức các kỳ thi tại các địa điểm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Thông tư này trong thời gian 01 quý (đối với vi phạm lần đầu) hoặc 02 quý (trong trường hợp tái phạm).

3. Trước ngày thi tối thiểu 01 ngày làm việc, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô cập nhật danh sách thí sinh đăng ký tham dự thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo từng kỳ thi lên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải nộp chi phí dự thi cho thí sinh theo danh sách thí sinh được đăng ký trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không nộp đủ chi phí dự thi, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ

---

[65] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không được đăng ký thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm cho tháng tiếp theo (đối với kỳ thi tổ chức tại địa điểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Thông tư này) hoặc cho quý tiếp theo (đối với kỳ thi tổ chức tại địa điểm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Thông tư này).

Điều 23. Đề thi, thời gian làm bài thi, điều kiện thi đỗ kỳ thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm

1. Đối với đề thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư này: mỗi đề thi có 40 câu hỏi thi, thời gian làm bài 60 phút.

2. Đối với đề thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị trong trường hợp đã có chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản; đề thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải, chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không trong trường hợp đã có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản: mỗi đề thi có 20 câu hỏi theo nội dung đào tạo tương ứng quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 20 Thông tư này, thời gian làm bài 40 phút.

3. Thí sinh dự thi trả lời đúng từ 75% số câu hỏi trở lên của bài thi được coi là thi đỗ kỳ thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

Điều 24. Phê duyệt và thông báo kết quả thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm[66]

Đơn vị tổ chức thi phê duyệt kết quả thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm và thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô (qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thi đối với các kỳ thi trên máy tính hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày thi đối với các kỳ thi trên giấy.

Điều 25. Phúc khảo và xử lý kết quả phúc khảo bài thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm[67]

1. Việc phúc khảo chỉ áp dụng đối với các kỳ thi trên giấy. Thí sinh nộp đơn phúc khảo qua doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô để doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô gửi đơn vị tổ chức thi (qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ) trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày đơn vị tổ chức thi phê duyệt kết quả thi. Mẫu đơn phúc khảo quy định tại Phụ lục số 5, Phụ lục số 5a ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[66] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[67] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

2. Đơn vị tổ chức thi thực hiện chấm phúc khảo và trả lời kết quả phúc khảo trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn phúc khảo của thí sinh.

3. Căn cứ kết quả phúc khảo, đơn vị tổ chức thi điều chỉnh kết quả thi (nếu có), cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo quy định tại Điều 26 Thông tư này.

Điều 26. Cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm

1.[68] Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt kết quả thi, đơn vị tổ chức thi cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm cho thí sinh thi đỗ kỳ thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

2. Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp dưới dạng dữ liệu điện tử thông qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ. Mẫu chứng chỉ đại lý bảo hiểm quy định tại Phụ lục số 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô nhận danh sách chứng chỉ đại lý bảo hiểm thông qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ bằng tài khoản truy cập đã được cấp khi đăng ký kế hoạch thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

4. Cá nhân, tổ chức có thể tra soát chứng chỉ đại lý bảo hiểm thông qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ bằng cách nhập mã chứng chỉ hoặc thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ, bao gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, số Thẻ Căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu[69].

Điều 27. Thu hồi, cấp đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm[70]

Đơn vị tổ chức thi thực hiện việc thu hồi, cấp đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo các quy định sau:

1. Chứng chỉ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh sửa chữa, gian dối hoặc giả mạo giấy tờ về nhân thân (Thẻ Căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu) khi tham dự kỳ thi;

b) Cá nhân nhờ người khác thi hộ kỳ thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm;

c) Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và cá nhân đã gian dối trong việc chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm;

d) Chứng chỉ bị thu hồi theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

---

[68] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[69] Cụm từ "Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu" được thay thế bằng cụm từ "Thẻ Căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[70] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

2. Chứng chỉ được cấp đổi trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị tổ chức thi có bằng chứng chứng minh chứng chỉ đại lý bảo hiểm đã cấp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; đơn vị tổ chức thi thực hiện việc thu hồi, cấp đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm đã cấp bằng cách gỡ bỏ thông tin trên chứng chỉ điện tử (đối với trường hợp thu hồi chứng chỉ) hoặc đính chính thông tin trên chứng chỉ điện tử (đối với trường hợp cấp đổi chứng chỉ) trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thu hồi chứng chỉ, đơn vị tổ chức thi thông báo danh sách, thông tin các chứng chỉ bị thu hồi quy định tại khoản 1 Điều này trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ.

5. Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này sẽ không được dự thi các kỳ thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm trong thời gian 12 tháng kế tiếp kể từ ngày thu hồi chứng chỉ.

Mục 3. CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Điều 28. Nguyên tắc chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm

Việc chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2023 sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm quy định tại Thông tư này được thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm[71] nhân thọ cấp được chuyển đổi thành chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản.

2.[72] Các trường hợp sau đây được chuyển đổi thành chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

a) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm kèm theo chứng chỉ đại lý bán sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm nhân thọ cấp;

b) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm kèm theo chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm nhân thọ cấp.

3. Chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm[73] phi nhân thọ cấp được chuyển đổi thành chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản.

4.[74] Việc chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm phải được hoàn thành trước ngày 30 tháng 06 năm 2026. Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước

---

[71] Cụm từ "cơ sở đào tạo về bảo hiểm" được thay thế bằng cụm từ "cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[72] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

[73] Cụm từ "cơ sở đào tạo về bảo hiểm" được thay thế bằng cụm từ "cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

ngày 01 tháng 01 năm 2023 sẽ hết hiệu lực kể từ khi được chuyển đổi sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm quy định tại Thông tư này hoặc kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026, tùy trường hợp nào xảy ra trước.

5. Chứng chỉ đại lý bảo hiểm được chuyển đổi dưới dạng dữ liệu điện tử và được lưu giữ trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ.

Điều 29. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm[75]

1. Trước ngày 15 tháng 05 năm 2026, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô gửi đơn vị thực hiện chuyển đổi hồ sơ yêu cầu chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2023 sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm quy định tại Thông tư này cho các đại lý bảo hiểm đang hoạt động tại doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

2. Hồ sơ yêu cầu chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ (kèm theo danh sách đại lý bảo hiểm có chứng chỉ đề nghị được chuyển đổi) theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10a, Phụ lục số 10b ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử được ký số hợp lệ hoặc bản sao từ sổ gốc của chứng chỉ, chứng nhận được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2023. Bản sao từ sổ gốc là bản sao chứng chỉ, chứng nhận từ sổ gốc có xác nhận của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm cấp chứng chỉ, chứng nhận đó;

c) Bản sao có chứng thực Thẻ Căn cước/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của đại lý bảo hiểm. Trường hợp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính đã hoàn thành việc kết nối, chia sẻ xác thực thông tin công dân với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đơn vị thực hiện chuyển đổi khai thác các thông tin này trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật;

d) Đối với các đại lý bảo hiểm đã được chấp thuận chuyển đổi thành chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản, trường hợp yêu cầu chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị chỉ cần nộp bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử được ký số hợp lệ hoặc bản sao từ sổ gốc của chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học về sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm nhân thọ cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2023.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu chuyển đổi chứng chỉ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, đơn vị thực hiện chuyển đổi có công văn yêu cầu cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

---

[74] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

[75] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, đơn vị thực hiện chuyển đổi thực hiện chuyển đổi chứng chỉ được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2023 sang chứng chỉ quy định tại Thông tư này. Mẫu chứng chỉ đại lý bảo hiểm chuyển đổi thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC TỔ CHỨC THI, CẤP, THU HỒI, CẤP ĐỔI CHỨNG CHỈ BẢO HIỂM, CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, CHỨNG CHỈ MÔI GIỚI BẢO HIỂM[76]

Điều 30. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm[77]

1. Thẩm định Hệ thống câu hỏi thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[78].

2. Quản lý, giám sát công tác tổ chức thi, cấp, thu hồi, cấp đổi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[79] và công tác chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

Điều 30a. Trách nhiệm của Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam[80]

1. Ban hành Quy chế thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[81].

2. Thông báo thời gian thi, địa điểm tổ chức thi, danh sách kỳ thi cho các cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

3. Xây dựng Hệ thống câu hỏi thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[82] theo nội dung đào tạo tương ứng của mỗi loại chứng chỉ quy định tại Thông tư này (không bao gồm nội dung về kỹ năng và thực hành hành nghề, quy trình thực hiện các dịch vụ).

4. Ra đề thi, tổ chức thi, phê duyệt và thông báo kết quả thi chứng chỉ bảo

---

[76] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[77] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

[78] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[79] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[80] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

[81] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[82] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[83].

5. Tổ chức phúc khảo kết quả thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[84] đối với các kỳ thi trên giấy.

6. Cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[85] cho thí sinh thi đỗ là thí sinh đăng ký dự thi trực tiếp qua Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ; cấp, thu hồi, cấp đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm; chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2023 sang chứng chỉ đại lý bảo hiểm quy định tại Thông tư này.

7. Thông báo danh sách cá nhân bị thu hồi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[86] trên Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ.

8. Xây dựng, quản lý, quản trị, vận hành, bảo trì và nâng cấp Hệ thống Quản lý thi chứng chỉ.

9. Thực hiện thu, quản lý và sử dụng chi phí dự thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[87] theo quy định pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 31. Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô[88]

1. Thực hiện đào tạo đại lý bảo hiểm theo nội dung quy định tại Điều 20 Thông tư này.

2. Đăng ký thi, cập nhật danh sách thí sinh dự thi và nộp chi phí dự thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo quy định tại Điều 22 Thông tư này.

Điều 32. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước

1. Cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước thực hiện đào tạo chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[89] theo nội dung quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư này.

2.[90] Đăng ký danh sách thí sinh dự thi và nộp chi phí dự thi của thí sinh đăng ký thi qua cơ sở đào tạo theo thông báo của đơn vị tổ chức thi.

---

[83] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[84] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[85] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[86] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[87] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[88] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[89] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Cấp, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[91].

4.[92] Thông báo danh sách cá nhân có chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[93] cơ sở đào tạo đã cấp, cấp đổi, thu hồi với đơn vị tổ chức thi; thông báo danh sách cá nhân có chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[94] bị thu hồi trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

5. Lưu trữ hồ sơ về việc cấp, thu hồi, cấp đổi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[95] thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 33. Trách nhiệm của thí sinh dự thi, cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi

1. Trách nhiệm của thí sinh dự thi:

a) Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, chính xác thông tin đăng ký dự thi;

b) Tuân thủ Quy chế thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[96].

2. Trách nhiệm của cán bộ coi thi, cán bộ chấm thi:

Thực hiện coi thi, chấm thi theo Quy chế thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm[97].

---

[90] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 20 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[91] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[92] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 1 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[93] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[94] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[95] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[96] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[97] Cụm từ "chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm" được bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực của Thông tư[98][99]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 125/2018/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định việc cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm và Thông tư số 65/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định về nội dung đào tạo, thi, cấp và công nhận chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, giải quyết./.

BỘ TÀI CHÍNH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 10. tháng 11. năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Tấn Cận

Nơi nhận:
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cục CNTT (để đăng trên Cổng TTĐT của Bộ Tài chính);
- Cục QLBH;
- Lưu: VT, PC (05 b).

---

[98] Điều 3 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 quy định như sau:

*"**Điều 3. Hiệu lực của Thông tư***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.".

[99] Điều 3 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

*"**Điều 3. Hiệu lực của Thông tư***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Điều 2 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.

3. Hệ thống câu hỏi thi chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm được xây dựng trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng./.".

Phụ lục số 1a[100]

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THI CHỨNG CHỈ[(1)]

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ THI CHỨNG CHỈ... [(2)]

Kính gửi: Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam

STT	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Giới tính	Số Hộ chiếu	Ngày hết hạn Hộ chiếu	Số Thẻ Căn cước/ CCCD	Ngày hết hạn Thẻ Căn cước/ CCCD	Quốc tịch	SĐT	Email	Loại chứng chỉ	Loại hình	Ngày thi	Địa điểm thi

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trong đơn./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký, ghi rõ họ tên)[(3)]

Ghi chú

(1) Ghi rõ là Chứng chỉ bảo hiểm, Chứng chỉ môi giới bảo hiểm hay Chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm.

(2) Ghi rõ tên từng loại chứng chỉ và loại hình chứng chỉ.

- Đối với Chứng chỉ bảo hiểm ghi rõ là Chứng chỉ bảo hiểm nhân thọ, Chứng chỉ bảo hiểm phi nhân thọ hay Chứng chỉ bảo hiểm sức khỏe.

- Đối với Chứng chỉ môi giới bảo hiểm không ghi loại hình chứng chỉ.

- Đối với Chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm ghi rõ là Chứng chỉ tư vấn bảo hiểm nhân thọ, Chứng chỉ tư vấn bảo hiểm phi nhân thọ, Chứng chỉ tư vấn bảo hiểm sức khỏe, Chứng chỉ đánh giá rủi ro bảo hiểm nhân thọ, Chứng chỉ đánh giá rủi ro bảo hiểm phi nhân thọ, Chứng chỉ đánh giá rủi ro bảo hiểm sức khỏe, Chứng chỉ giám định tổn thất bảo hiểm hàng hải, Chứng chỉ giám định tổn thất bảo hiểm hàng không, Chứng chỉ giám định tổn thất bảo hiểm phi nhân thọ (trừ bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không), Chứng chỉ hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm nhân thọ, Chứng chỉ hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm phi nhân thọ hay Chứng chỉ hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm sức khỏe.

(3) Đối với trường hợp do cơ sở đào tạo về bảo hiểm trong nước thực hiện đăng ký thi thì ký, ghi rõ họ tên người đại diện và đóng dấu của cơ sở đào tạo.

---

[100] Phụ lục 1a được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Phụ lục số 1[101]

MẪU CHỨNG CHỈ BẢO HIỂM

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

LOGO

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ BẢO HIỂM ...(1)

Ảnh 3x4
(phông nền trắng hoặc xanh)

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Cấp chứng chỉ bảo hiểm cho:

Ông/Bà: .....

Ngày sinh: ...../...../..... Quốc tịch: .....

Số giấy tờ tùy thân:(2) **.....**

Theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam về việc phê duyệt/điều chỉnh (3) **kết quả thi chứng chỉ bảo hiểm.**

MÃ QR

....., ngày ... tháng ... năm ...
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mã chứng chỉ: .....

Số vào sổ: .....

Ghi chú:
(1) Ghi rõ là Chứng chỉ bảo hiểm nhân thọ, Chứng chỉ bảo hiểm phi nhân thọ hay Chứng chỉ bảo hiểm sức khỏe.
(2) Ghi số Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu.
(3) Ghi rõ là về việc phê duyệt hay điều chỉnh kết quả thi.

[101] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Phụ lục số 2[102]

MẪU CHỨNG CHỈ MÔI GIỚI BẢO HIỂM

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

LOGO

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ MÔI GIỚI BẢO HIỂM

Ảnh 3x4
(phông nền trắng hoặc xanh)

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Cấp chứng chỉ môi giới bảo hiểm cho:

Ông/Bà: .....

Ngày sinh: ...../...../..... Quốc tịch: .....

Số giấy tờ tùy thân:(1) **.....**

Theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam về việc phê duyệt/điều chỉnh (3) **kết quả thi chứng chỉ bảo hiểm.**

MÃ QR

Mã chứng chỉ: .....

Số vào sổ: .....

....., ngày ... tháng ... năm ...
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi số Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu.

(2) Ghi rõ là về việc phê duyệt hay điều chỉnh kết quả thi.

---

[102] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Phụ lục số 3[103] ***(được bãi bỏ)***

Phụ lục số 4[104]

MẪU PHỤ LỤC BÁO CÁO THÔNG TIN CẤP CHỨNG CHỈ

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO THÔNG TIN CẤP CHỨNG CHỈ

Cơ sở đào tạo:

Tên chứng chỉ: (1)

Loại chứng chỉ: (2)

Loại hình bảo hiểm: (3)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số giấy tờ tùy thân (4)	Ngày cấp chứng chỉ	Mã số chứng chỉ	Ghi chú
1						
2						
...						

....., ngày...tháng...năm...
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ là Chứng chỉ bảo hiểm, Chứng chỉ môi giới bảo hiểm hay Chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm.

(2) Ghi rõ là Chứng chỉ Hỗ trợ giải quyết bồi thường bảo hiểm, Chứng chỉ Giám định tổn thất bảo hiểm, Chứng chỉ Đánh giá rủi ro bảo hiểm hay Chứng chỉ Tư vấn.

(3) Ghi rõ là loại hình bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ hay bảo hiểm sức khỏe. Trường hợp là Chứng chỉ Giám định tổn thất bảo hiểm thì ghi rõ là loại hình bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không hay bảo hiểm phi nhân thọ (trừ bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không).

(4) Ghi số Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu.

---

[103] Phụ lục này được bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[104] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Phụ lục số 5[105]

MẪU ĐƠN PHÚC KHẢO BÀI THI

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN PHÚC KHẢO BÀI THI

Kính gửi: Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam

Tôi tên là: .....

Sinh ngày: .....

Số giấy tờ tùy thân:(1) .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

Số điện thoại liên hệ: ..... Email: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Tôi đã tham dự kỳ thi chứng chỉ(2) .....

Loại chứng chỉ (nếu có):(3) .....

do Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam tổ chức.....

Mã số (Tên) kỳ thi: .....

Ngày thi: .....

Địa điểm thi: .....

Điểm bài thi: .....

Tôi đề nghị Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam xem xét, chấm phúc khảo bài thi chứng chỉ(4) ..... của tôi tại kỳ thi nói trên.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày ... tháng....năm ....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi số Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu.

(2) Ghi rõ là Chứng chỉ đại lý bảo hiểm, Chứng chỉ bảo hiểm, Chứng chỉ môi giới bảo hiểm, Chứng chỉ Tư vấn, Chứng chỉ Đánh giá rủi ro bảo hiểm, Chứng chỉ Giám định tổn thất bảo hiểm hay Chứng chỉ Hỗ trợ giải quyết bồi thường.

---

[105] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

(3) Đối với Chứng chỉ bảo hiểm/Chứng chỉ Tư Vấn/Chứng chỉ Đánh giá rủi ro bảo hiểm/Chứng chỉ Hỗ trợ giải quyết bồi thường thì ghi bảo hiểm nhân thọ/bảo hiểm phi nhân thọ/bảo hiểm sức khỏe.

Đối với Chứng chỉ Giám định tổn thất bảo hiểm thì ghi rõ là loại hình bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không hay bảo hiểm phi nhân thọ (trừ bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không). Đối với Chứng chỉ đại lý bảo hiểm thì ghi rõ là Chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không hay Chứng chỉ đại lý bảo hiểm sức khỏe.

(4) Ghi tên chứng chỉ theo thông tin đã kê khai tại thông tin số (2) và (3). Ví dụ: Chứng chỉ bảo hiểm nhân thọ.

Phụ lục số 5a[106]

MẪU PHỤ LỤC DANH SÁCH THÍ SINH XIN PHÚC KHẢO BÀI THI

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

DANH SÁCH THÍ SINH XIN PHÚC KHẢO BÀI THI

Cơ sở đào tạo/Doanh nghiệp bảo hiểm: (1)

Email: ..... (2)

Số điện thoại: ..... (3)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số giấy tờ tùy thân (4)	Tên chứng chỉ(5)	Loại chứng chỉ (nếu có)(6)	Mã số kỳ thi	Ngày thi	Địa điểm thi	Điểm bài thi
1									
2									
....									

....., ngày ... tháng....năm ....
ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÀO TẠO/
DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên cơ sở đào tạo/doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

(2), (3) Ghi rõ email và số điện thoại của người điền thông tin.

(4) Ghi số Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu.

(5) Ghi rõ là Chứng chỉ đại lý bảo hiểm, Chứng chỉ bảo hiểm, Chứng chỉ môi giới bảo hiểm, Chứng chỉ Tư vấn, Chứng chỉ Đánh giá rủi ro bảo hiểm, Chứng chỉ Giám định tổn thất bảo hiểm hay Chứng chỉ Hỗ trợ giải quyết bồi thường.

(6) Đối với Chứng chỉ bảo hiểm/Chứng chỉ Tư vấn/Chứng chỉ Đánh giá rủi ro bảo hiểm/Chứng chỉ Hỗ trợ giải quyết bồi thường thì ghi bảo hiểm nhân thọ/bảo hiểm phi nhân thọ/bảo hiểm sức khỏe.

Đối với Chứng chỉ Giám định tổn thất bảo hiểm thì ghi rõ là loại hình bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không hay bảo hiểm phi nhân thọ (trừ bảo hiểm hàng hải, bảo hiểm hàng không).

Đối với Chứng chỉ đại lý bảo hiểm thì ghi rõ là Chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không hay Chứng chỉ đại lý bảo hiểm sức khỏe.

---

[106] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Phụ lục số 6a[107]

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM (1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:	....., *ngày... tháng .... năm....*
V/v đăng ký thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm tháng/quý ... năm ...	

ĐƠN ĐĂNG KÝ THI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Kính gửi: Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam

..... Doanh nghiệp bảo hiểm (2) ..... đăng ký thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm tháng/quý.... năm ... như sau:

Tổng số kỳ thi: .....

Tổng số thí sinh dự kiến: .....

(Phụ lục đính kèm)

..... Doanh nghiệp bảo hiểm (3) ..... cam kết sẽ tuân thủ các quy định hiện hành về việc thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

Trân trọng./.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM (4)...
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

Ghi chú:

(1),(2),(3),(4) Ghi rõ tên doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

---

[107] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 6a ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/01/2025.

Phụ lục số 6b[108]

MẪU PHỤ LỤC ĐĂNG KÝ THI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM HÀNG THÁNG

(Kèm theo Thông tư số 151/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐĂNG KÝ THI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM THÁNG ... NĂM .....

(Kèm theo đơn [1] số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....)

Doanh nghiệp bảo hiểm: [2] ...

Địa chỉ:

TT	Ngày thi (ngày/ tháng/ năm)	Giờ thi	Địa điểm tổ chức thi [3]	SL thí sinh dự kiến	Hình thức thi		Tên chứng chỉ đăng ký thi [4]	Thông tin khác	
					Thi trên giấy	Thi trên máy		Tên lớp	Ghi chú (Họ tên và SĐT CB phụ trách kỳ thi)
1									
2									
3									
4									
Tổng cộng: kỳ thi									

Ghi chú:

[1] Kèm theo đơn đăng ký thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm tại Phụ lục số 6a.

[2] Ghi rõ tên doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

[3] Ghi đầy đủ địa chỉ và ghi rõ địa chỉ đến số nhà, đường, phố.

[4] Ghi rõ là Chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không hay Chứng chỉ đại lý bảo hiểm sức khỏe.

---

[108] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 6b ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Phụ lục số 6c[109]

MẪU PHỤ LỤC ĐĂNG KÝ THI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM HÀNG QUÝ

(Kèm theo Thông tư số 151/2024/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐĂNG KÝ THI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM
QUÝ ... NĂM ....

(Kèm theo đơn [1] số .... ngày .... tháng .... năm .... của .....)

Doanh nghiệp bảo hiểm: [2]...

Địa chỉ: ...

TT	Ngày thi (ngày/tháng/năm	Giờ thi	Địa điểm tổ chức thi (3)	SL thí sinh dự kiến	Hình thức thi		Tên chứng chỉ đăng ký thi	Thông tin khác	
					Thi trên giấy	Thi trên máy		Tên lớp	Ghi chú (Họ tên và SĐT CB phụ trách kỳ thi

Ghi chú:

[1] Kèm theo đơn đăng ký thi chứng chỉ đại lý bảo hiểm tại Phụ lục số 6a.

[2] Ghi rõ tên doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

[3] Ghi đầy đủ địa chỉ và ghi rõ địa chỉ đến số nhà, đường, phố.

[4] Ghi rõ là Chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không hay Chứng chỉ đại lý bảo hiểm sức khỏe

---

[109] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 6c ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 151/2025/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Phụ lục số 7[110]

MẪU PHỤ LỤC DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM ...[(1)]

Doanh nghiệp bảo hiểm: [(2)]

Mã số kỳ thi:

Ngày thi:

Địa điểm thi:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Giới tính	Số Thẻ CC/CCCD/Hộ chiếu	Ngày hết hạn Thẻ CC/CCCD/ Hộ chiếu	Điện thoại

Ghi chú:

(1) Ghi rõ là Chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không hay Chứng chỉ đại lý bảo hiểm sức khỏe.

(2) Ghi rõ tên doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

[110] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Phụ lục 8[111] *(được bãi bỏ)*

Phụ lục số 9[112]

MẪU CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG CHỈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM ... [(1)]

TÊN ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG CHỈ

Cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm cho:

Ông/Bà : .....

Ngày sinh : ...../...../.....

Số giấy tờ tùy thân: [(2)] .....

Theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... của Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam về việc phê duyệt kết quả thi/điều chỉnh kết quả thi/chuyển đổi [(3)] chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

MÃ QR

..... , ngày ... tháng .... năm ....
ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG CHỈ

Chữ ký số

Mã chứng chỉ: .....

Số vào sổ: .....

Ghi chú:

[(1)] Ghi rõ là Chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng hải, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm hàng không hay Chứng chỉ đại lý bảo hiểm sức khỏe.

[(2)] Ghi số Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu.

[(3)] Ghi rõ là về việc phê duyệt kết quả thi, điều chỉnh kết quả thi hay chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

---

[111] Bãi bỏ Phụ lục số 8 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

[112] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 9 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Phụ lục số 10a[113]

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Kính gửi: Viện Phát triển bảo hiểm Việt Nam

Doanh nghiệp bảo hiểm (1) đăng ký chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm đối với các đại lý đang hoạt động như sau:

Tổng số đại lý đăng ký chuyển đổi: .....

Các tài liệu kèm theo văn bản này gồm có:

- Danh sách đại lý đề nghị chuyển đổi chứng chỉ có xác nhận của Doanh nghiệp bảo hiểm (2) (Phụ lục kèm theo);

- Chứng chỉ đại lý bảo hiểm (Bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử được ký số hợp lệ hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc);

- Giấy tờ tùy thân (3) (bản sao có chứng thực).

Doanh nghiệp bảo hiểm (4) cam kết các thông tin Đại lý bảo hiểm đang hoạt động tại ... Doanh nghiệp bảo hiểm (5) ... trên đây là chính xác, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm theo các quy định hiện hành về việc thi, cấp, thu hồi, cấp đổi, chuyển đổi chứng chỉ đại lý bảo hiểm.

Trân trọng./.

....., ngày .... tháng .... năm....
ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: ...

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Ghi rõ tên doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

(3) Ghi số Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Hộ chiếu.

---

[113] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 10a ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Phụ lục số 10b[114]

MẪU PHỤ LỤC DANH SÁCH ĐẠI LÝ BẢO HIỂM ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

(Kèm theo Thông tư số 85/2024/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

DANH SÁCH ĐẠI LÝ BẢO HIỂM ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM

Doanh nghiệp bảo hiểm: (1)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Số CCCD/ CMND/ HC	Ngày Cấp CCCD/ CMND/ HC	Nơi cấp CCCD/ CMND/ HC	Thông tin cập nhật (nếu có)		Thông tin chứng chỉ đăng ký chuyển đổi				
							Số CC/ CCCD/ HC	Ngày hết hạn CC/ CCCD/HC	Mã số chứng chỉ/Mã số đại lý	Ngày Cấp chứng chỉ	Loại chứng chỉ	Số QĐ Phê duyệt kết quả thi	Ngày cấp QĐ Phê duyệt kết quả thi

....., ngày... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký tên)

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

(2) Ghi rõ là Chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm nhân thọ cấp, Chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm nhân thọ cấp hay Chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở đào tạo đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cấp.

---

[114] Phụ lục này thay thế Phụ lục số 10b ban hành kèm theo Thông tư số 69/2022/TT-BTC, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Thông tư số 85/2024/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.